

Bộ câu hỏi trắc nghiệm được biên soạn bám sát với nội dung kiến thức trọng tâm bài học và thường xuất hiện trong các kì thi quan trọng. Mời các em học sinh, quý thầy cô giáo theo dõi bộ đề chi tiết dưới đây

Bộ 17 câu hỏi trắc nghiệm Vật lý lớp 6 Bài 22: Nhiệt kế thang đo nhiệt độ

Câu 1: Nhiệt kế thường dung hoạt động dựa trên

- A. Hiện tượng bay hơi
- B. Hiện tượng biến dạng khi chịu tác dụng lực
- C. Hiện tượng giãn nở vì nhiệt của các chất
- D. Cả ba hiện tượng trên đều không phải

Câu 2: Khi nhúng một nhiệt kế rượu vào nước nóng, mức rượu trong ống nhiệt kế tăng vì:

- A. ống nhiệt kế nở dài ra
- B. Ống nhiệt kế co ngắn lại
- C. Cả ống nhiệt kế và rượu đều nở ra nhưng ống nhiệt kế nở nhiều hơn
- D. Cả ống nhiệt kế và rượu trong ống đều nở ra nhưng rượu nở ra nhiều hơn

Câu 3: Đo nhiệt độ cơ thể người bình thường là 37°C . Trong thang nhiệt độ Farenhai, kết quả đo nào sau đây đúng?

- A. 37°F
- B. $66,6^{\circ}\text{F}$
- C. 310°F
- D. $98,6^{\circ}\text{F}$

Câu 4: Giá trị nhiệt độ đo được theo thang nhiệt độ Kenvin là 293K . Hỏi theo thang nhiệt độ Farenhai, nhiệt độ đó có giá trị là bao nhiêu? Biết rằng mỗi độ trong

thang nhiệt độ Kenvin (1K) bằng 1 độ trong thang nhiệt độ Xenxiut (1°C) và 0°C ứng với 273K.

- A. 20°F
- B. 100°F
- C. 68°F
- D. 261°F

Câu 5: Trong thang nhiệt độ Farenhai, nhiệt độ của nước đang sôi là:

- A. 32°F
- B. 100°F
- C. 212°F
- D. 0°F

Câu 6: Cho hai nhiệt kế rượu và thủy ngân. Dùng nhiệt kế nào có thể đo được nhiệt độ của nước đang sôi? Cho biết nhiệt độ sôi của rượu và thủy ngân lần lượt là 80°C và 357°C .

- A. Cả nhiệt kế thủy ngân và nhiệt-kế rượu.
- B. Không thể dùng nhiệt kế thủy ngân và nhiệt kế rượu.
- C. Nhiệt kế rượu.
- D. Nhiệt kế thủy ngân

Câu 7: Nước ở trong trường hợp nào dưới đây có trọng lượng riêng lớn nhất?

- A. Thể lỏng, nhiệt độ cao hơn 4°C
- B. Thể lỏng, nhiệt độ bằng 4°C
- C. Thể rắn, nhiệt độ bằng 0°C

D. Thở hơi, nhiệt độ bằng 100°C

Câu 8: Quan sát các nhiệt kế thủy ngân và nhiệt kế rượu thấy ở phần trên của nhiệt kế thường phình ra, chỗ phình ra đó có tác dụng

- A. chứa lượng thủy ngân hoặc rượu khi dâng lên.
- B. chứa lượng khí còn dư khi thủy ngân hoặc rượu dâng lên.
- C. phình ra cho cân đối nhiệt kế.
- D. nhìn nhiệt kế đẹp hơn.

Câu 9: Khi nhúng một nhiệt kế rượu vào nước nóng, mực rượu trong ống nhiệt kế tăng lên vì:

- A. ống nhiệt kế dài ra.
- B. ống nhiệt kế ngắn lại.
- C. cả ống nhiệt kế và rượu trong ống đều nở ra nhưng rượu nở nhiều hơn.
- D. cả ống nhiệt kế và rượu trong ống đều nở ra nhưng ống nhiệt kế nở nhiều hơn.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Nhiệt kế y tế có thể dùng để đo nhiệt độ cơ thể người.
- B. Nhiệt kế thủy ngân có thể dùng để đo nhiệt độ trong lò luyện kim.
- C. Nhiệt kế kim loại có thể đo nhiệt độ của bàn là đang nóng.
- D. Nhiệt kế rượu có thể dùng để đo nhiệt độ của khí quyển.

Câu 11: Người ta chọn thủy ngân và rượu để chế tạo nhiệt kế vì

- A. chúng có nhiệt độ nóng chảy cao.
- B. nhiệt độ nóng chảy thấp.

- C. nhiệt độ đông đặc cao.
- D. tất cả các câu trên đều sai.

Câu 12: Nhiệt kế nào sau đây có thể dùng để đo nhiệt độ của nước đang sôi?

- A. Nhiệt kế thủy ngân
- B. Nhiệt kế rượu
- C. Nhiệt kế y tế
- D. Cả ba nhiệt kế trên

Câu 13: Có nhiệt kế rượu hoặc thủy ngân, nhưng không có nhiệt kế nước vì sao?

- A. Rượu hay thủy ngân co giãn vì nhiệt đều.
- B. Nước co giãn vì nhiệt không đều.
- C. Nước không đo được nhiệt độ âm.
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 14: Nhiệt độ của người bình thường là

- A. 42°C
- B. 35°C
- C. 37°C
- D. 39,5°C

Câu 15: Nhiệt kế y tế có tác dụng để làm gì?

- A. Đo nhiệt độ trong các thí nghiệm
- B. Đo nhiệt độ cơ thể người
- C. Đo nhiệt độ không khí

D. Đo các nhiệt độ âm

Câu 16: Cần sử dụng loại nhiệt kế nào để đo nhiệt độ của không khí quanh ta?

A. Nhiệt kế thủy ngân

B. Nhiệt kế y tế

C. Nhiệt kế điện tử

D. Nhiệt kế rượu

Câu 17: Muốn kiểm tra chính xác em bé có sốt hay không, người mẹ sẽ chọn loại nhiệt kế nào trong các loại nhiệt kế sau:

A. Nhiệt kế rượu

B. Nhiệt kế thủy ngân

C. Nhiệt kế y tế

D. Cả 3 loại nhiệt kế

Đáp án bộ 17 bài tập trắc nghiệm Vật lý lớp 6 Bài 22: Nhiệt kế thang đo nhiệt độ

1. C 2. D 3. D 4. C 5. C 6. D 7. B 8. B 9. C 10. B 11. C 12. A 13. D 14. C 15. B

16. D 17. C